

Số: /QĐ-UBND Gia Lộc, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số: 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 50/TTr-KTHT ngày 15 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

Xã Gia Lương nằm ở phía Đông huyện Gia Lộc; phạm vi khu vực lập quy hoạch là toàn bộ ranh giới hành chính xã Gia Lương, với diện tích tự nhiên là **350,22ha**. Ranh giới khu vực quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp huyện Tứ Kỳ;
- Phía Bắc giáp xã Tân Tiến;
- Phía Tây giáp xã Gia Khánh;
- Phía Nam giáp xã Hoàng Diệu và huyện Tứ Kỳ.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

a) Mục tiêu quy hoạch:

- Định hướng xây dựng và phát triển Gia Lương phát triển theo hướng công nghiệp - dịch vụ, thương mại, đồng thời cũng là xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, nông nghiệp theo hướng hiện đại bền vững.

- Cụ thể hóa Quy hoạch vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; làm cơ sở xác định các dự án đầu tư và lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Xây dựng và phát triển xã Gia Lương đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu góp phần vào sự phát triển của huyện Gia Lộc;

- Xây dựng xã Gia Lương trở thành xã hiện đại phát triển bền vững; có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực công nghiệp dịch vụ; phát triển bền vững hài hòa với môi trường; giữ vai trò tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của một vùng;

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại;

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kết nối các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, tạo tiền đề để triển khai các dự án khả thi, tiền khả thi.

b) Tính chất, chức năng:

Là khu vực có tiềm năng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; Nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư có chọn lọc tạo sự liên kết theo chuỗi giá trị. Đồng thời cũng khu vực thuận lợi với điều kiện tự nhiên phù hợp phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

4. Quy mô dân số, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a) Quy mô dân số:

- Dự báo dân số đến năm 2022 khoảng 6.200 người (bao gồm dân số thường trú, tạm trú và lưu trú)

- Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 7.781 người (bao gồm dân số thường trú, tạm trú và lưu trú)

b) Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

TT	HẠNG MỤC	Hiện trạng	Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ
		ha	ha	ha	%
	Tổng diện tích tự nhiên	350.22	0.00	350.22	100
I	Đất nông nghiệp	231.85	-104.99	126.86	36.22
1	Đất trồng lúa	131.06	-71.16	59.9	17.10
2	Đất trồng trọt khác	56.01	-25.18	30.83	8.80
2.1	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	<i>0.46</i>	<i>0</i>	<i>0.46</i>	<i>0.13</i>
2.2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>	<i>55.55</i>	<i>-25.18</i>	<i>30.37</i>	<i>8.67</i>
3	Đất nuôi trồng thủy sản	44.78	-9.53	35.25	10.07
4	Đất nông nghiệp khác	0	0.88	0.88	0.25
II	Đất xây dựng	106.64	104.99	211.63	60.43
1	Đất ở	44.36	8.78	53.14	15.17
2	Đất công cộng	3.45	4.32	7.77	2.22
2.1	<i>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</i>	<i>0.62</i>	<i>0.28</i>	<i>0.9</i>	<i>0.26</i>
2.2	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế (cấp xã)</i>	<i>0.2</i>	<i>0.24</i>	<i>0.44</i>	<i>0.13</i>
2.3	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (cấp xã)</i>	<i>2.04</i>	<i>3.83</i>	<i>5.87</i>	<i>1.68</i>
2.4	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>0.55</i>	<i>-0.06</i>	<i>0.49</i>	<i>0.14</i>
2.5	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>0</i>	<i>0.03</i>	<i>0.03</i>	<i>0.01</i>
2.6	<i>Đất chợ</i>	<i>0.02</i>	<i>0</i>	<i>0.02</i>	<i>0.01</i>
2.7	<i>Đất bưu chính viễn thông</i>	<i>0.02</i>	<i>0</i>	<i>0.02</i>	<i>0.01</i>
3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	2.33	-0.11	2.22	0.63
3.1	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>2.33</i>	<i>-0.19</i>	<i>2.14</i>	<i>0.61</i>
3.2	<i>Đất vui chơi giải trí công cộng (cây xanh)</i>	<i>0</i>	<i>0.08</i>	<i>0.08</i>	<i>0.02</i>
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích đình, đền	1.47	0	1.47	0.42
4.1	<i>Đất di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0.00</i>
4.2	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>0.96</i>	<i>0</i>	<i>0.96</i>	<i>0.27</i>
4.3	<i>Đất cơ sở tín ngưỡng</i>	<i>0.51</i>	<i>0</i>	<i>0.51</i>	<i>0.15</i>
5	Đất công nghiệp, TTCN, làng nghề	0	62.9	62.9	17.96
5.1	<i>Đất cụm công nghiệp</i>	<i>0</i>	<i>62.9</i>	<i>62.9</i>	<i>17.96</i>

5.2	<i>Đất công nghiệp, khu công nghiệp</i>	0	0	0	0.00
5.3	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	0	0	0	0.00
6	Đất khoáng sản và sx vật liệu xây dựng	0	0.00	0	0.00
7	Đất xây dựng các chức năng khác	7.07	7.25	14.32	4.09
7.1	<i>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</i>	0.03	0	0.03	0.01
7.2	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	0	0	0	0.00
7.3	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	0	0	0	0.00
7.4	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	0	0	0	0.00
7.5	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	0	0	0	0.00
7.6	<i>Đất thương mại dịch vụ</i>	7.04	7.25	14.29	4.08
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	37.4	23.36	60.76	17.35
8.1	<i>Đất giao thông</i>	33.91	21.07	54.98	15.70
8.2	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>	0.21	0.18	0.39	0.11
8.3	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ</i>	3.27	2.11	5.38	1.54
8.4	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	0.01	0	0.01	0.00
9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	10.56	-1.51	9.05	2.58
9.1	<i>Đất thủy lợi</i>	10.56	-1.51	9.05	2.58
9.2	<i>Đất phi nông nghiệp khác(kho, trại, trạm)</i>	0	0	0	0.00
10	Đất an ninh quốc phòng	0	0	0	0.00
10.1	<i>Đất quốc phòng</i>	0	0	0	0.00
10.2	<i>Đất an ninh</i>	0	0	0	0.00
III	Đất khác	11.73	0	11.73	3.35
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng	11.73	0.00	11.73	3.35

5. Phân khu chức năng:

a) Khu trung tâm xã:

Khu trung tâm xã hiện hữu tại thôn Xuân Trình, các công trình công cộng hiện tại cơ bản được đầu tư xây dựng mới, khang trang và đều được tính toán quy hoạch đáp ứng về quy mô diện tích cũng như về mặt cơ sở vật chất bao gồm: Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã, trạm y tế, bưu điện, nghĩa trang liệt sỹ, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở. Quy hoạch mới trụ sở Công an xã và khu văn hóa thể thao của xã.

b) Hệ thống thôn, các khu dân cư tập trung:

Xã gồm 5 thôn: Đồng Tâm, Thành Lập, Cộng Hòa, Xuân Trình, Lũy Dương.

- Các khu dân cư ở cũ: Cải tạo chỉnh trang, tôn trọng cấu trúc khu dân cư

hiện hữu; mở rộng giao thông thôn, xóm cải tạo và xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đời sống cho người dân.

- Các khu dân cư quy hoạch mới: Quy mô khoảng 8,78ha bao gồm các khu dân cư tại thôn Đồng Tâm (khoảng 1,55ha), thôn Đồng Tâm và Thành Lập (khoảng 2,7ha), thôn Cộng Hòa (khoảng 4,53ha).

c) Tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ thương mại:

- Đất công nghiệp: Vị trí phía Nam xã có tổng diện tích đất công nghiệp khoảng 62,9ha trong đó đất CN-01 diện tích 21,03ha và CN-02 diện tích 41,87ha.

- Dịch vụ thương mại: Chú trọng phát triển các khu dịch vụ thương mại và chợ với quy mô 7,25ha, gồm: khu dịch vụ thương mại phía Tây thôn Cộng Hòa (5,82ha), Khu chợ và dịch vụ thương mại tại khu trung tâm (1,43ha).

- Nông nghiệp: Quy mô khoảng 126,86ha chủ yếu ở các thôn Thành Lập, Cộng Hòa, Lũy Dương, định hướng phát triển các mô hình nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao, định hướng hình thành các vùng chuyên sản xuất rau củ quả an toàn, mô hình trồng lúa năng suất cao. Quy hoạch vùng lúa chất lượng cao về phía Bắc của xã quy mô 19,8ha và 28,9ha.

d) Các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển:

- Khu vực giáp các vị trí thuận lợi về giao thông như có đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, đường tỉnh 395 và đường huyện 39H chạy qua.

- Khu vực hạn chế phát triển: Các khu vực nằm trong hành lang đường điện cao thế, cần tính toán các chỉ tiêu, khoảng cách, khống chế chiều cao xây dựng đảm bảo an toàn về hành lang đường điện theo quy định.

e) Khu vực cấm xây dựng:

- Khu vực đất nông nghiệp nghiêm cấm xây dựng các công trình ngoài mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Nghiêm cấm san lấp các ao hồ có trong danh mục ao hồ không được san lấp theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 UBND tỉnh Hải Dương.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

a) Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã:

- Giáo dục:

- + Trường mầm non điểm trường thôn Đồng Tâm quy mô 1,17ha, điểm trường thôn Lũy Dương quy mô 0,2ha.

- + Trường tiểu học vị trí trung tâm xã, quy mô 1,43ha.

- + Trường trung học vị trí trung tâm xã, quy mô 3,07ha.

- Trạm y tế xã tại khu trung tâm xã giáp sân vận động xã, có quy mô 0,44ha.

- Điểm phục vụ bưu chính viễn thông giáp trụ sở UBND xã với quy mô 0,02ha.

Các công trình trên cơ bản đã được xây dựng mới phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, hình thức kiến trúc công trình phù hợp hài hòa với bản sắc địa phương, màu sắc tươi sáng, đảm bảo thông gió thoáng mát.

b) Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn cũ.

* Đối với khu dân cư cũ: Kế thừa hiện trạng phân bố dân cư, mật độ xây dựng thuận tối đa của từng lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ (nhà biệt thự, nhà ở liền kề, nhà ở độc lập) phải đảm bảo phù hợp với QCVN01:2021/BXD. Các công trình sản xuất, chăn nuôi trong lô đất gia đình phải có hệ thống kỹ thuật thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Chỉ tiêu về tầng cao: tối đa 5 tầng.

* Đối với khu dân cư, điểm dân cư mới: Phát triển được một lượng dân cư thích hợp theo dự báo, thuận lợi cho tổ chức các công trình công cộng thiết yếu; Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu 37m²/người theo QCVN01:2021/BXD.

- Đất xây dựng công trình nhà ở tối thiểu 25m²/người.
- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu 5m²/người.
- Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật tối thiểu 5m²/người.
- Đất cây xanh công cộng tối thiểu 2m²/người.
- Chỉ tiêu về tầng cao: theo quy định của đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Hình thức kiến trúc: hiện đại, hướng đến kiến trúc xanh, thân thiện môi trường.

c) Tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ và các khu vực đặc thù khác

- Các khu vực sản xuất theo quy hoạch của khu, cụm công nghiệp có trên địa bàn xã Gia Lương.

- Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách ATMT, bố trí gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở.

- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: có quy mô 1,47ha là phần đất các đình, chùa hiện tại có trong xã, gìn giữ bảo tồn theo quy hoạch.

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã:

a) Giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường vành đai II thành phố Hải Dương và đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng: Chỉ giới 196m: Đường ô tô cao tốc rộng 76m (nền đường rộng 33m + hành lang rộng 2x21,5m); đường vành đai II rộng 24m (hành lang trái trùng với hành lang

đường ô tô cao tốc, hành lang phải trùng với hành lang đường sắt); đường sắt rộng 65m (nền đường 20m+ đất bảo vệ 2x7,5+ hành lang 2x15m) đường gom 2 bên là 2x15,5 (mặt đường 10,5m + vỉa hè 5m) (Mặt cắt A-A).

- Đường tỉnh 395: Quy mô đường cấp III, lộ giới 45m (gồm nền đường 12m, taluy 2x1,5, đất của đường bộ 2x2m, đất hành lang an toàn đường bộ 2x13m) (Mặt cắt B-B).

- Quy hoạch đường huyện mới kết nối từ đường huyện 39H đi đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đường cấp IV lộ giới 32m: (gồm nền đường 9m, taluy 2x1,5m, đất của đường bộ 2x2m, hành lang an toàn đường bộ 2x9m) (Mặt cắt 1-1).

- Đường huyện 39H (MC 1-1): Duy trì đường cấp IV lộ giới 32m: (gồm nền đường 9m, taluy 2x1,5m, đất của đường bộ 2x2m, hành lang an toàn đường bộ 2x9m) (Mặt cắt 1-1).

* Giao thông đối nội:

- Đường trục xã:

+ Quy hoạch mở rộng tuyến đường từ đường huyện 39H đi đến đầu thôn Thành Lập (Mặt cắt 2-2) lộ giới 17,5m (Bm=7,5m + vỉa hè 2x5m) chiều dài khoảng 0,75km.

+ Quy hoạch mở rộng tuyến đường từ đường huyện 39H (trạm y tế xã) đi sang xã Tân Tiến (Mặt cắt 2-2) lộ giới 17,5m (Bm=7,5m + vỉa hè 2x5m) chiều dài khoảng 1,5km.

+ Quy hoạch mở rộng tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Đồng Tâm đi qua trường tiểu học xã kết nối với đường huyện 39H (Mặt cắt 3-3) lộ giới 13,5m (Bm=7,5m + vỉa hè 2x3m) chiều dài khoảng 1,3km.

- Đường thôn, xóm: Các tuyến đường thôn, xóm (Mặt cắt 4-4) lòng đường hiện trạng từ 3,5-4,5m, quy hoạch mở rộng lòng đường thôn lòng đường 5,5m vỉa hè mỗi bên 1m.

- Đường nội đồng: quy hoạch lòng đường 5,5m, lề đường mỗi bên 1,0m.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền: Khu dân cư hiện hữu cơ bản cao độ được giữ nguyên. Trong quá trình triển khai, nâng cấp cải tạo cần tính toán cốt cao độ các khu vực lân cận, tránh gây ngập úng cục bộ. Đối với các khu vực phát triển mới cần có giải pháp kết nối hạ tầng phù hợp hoặc thiết kế san nền phù hợp với cao độ khu dân cư hiện trạng.

- Thoát nước mưa: Thoát theo 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Phía Tây và phía Bắc (thôn Đồng Tâm, Thành Lập và Cộng Hòa) thoát về trạm bơm Gia Lương và bơm ra Sông Cầu Bình.

+ Lưu vực 2: Phía Đông và phía Nam thoát về hướng Đông của xã rồi thoát ra Sông Cầu Bình.

+ Làm mới và nâng cấp toàn bộ rãnh thoát nước ở các trục đường thôn, xóm thành các rãnh bê tông có nắp đậy.

+ Cải tạo mương dẫn vào trạm bơm.

- Thoát nước thải: Định hướng quy hoạch thu gom nước thải tại các khu dân cư mới và thôn cũ được thiết kế riêng hoàn toàn và được thu gom về trạm xử lý nước thải đặt tại thị trấn Gia Lộc để xử lý (theo quy hoạch vùng huyện Gia Lộc).

+ Đối với khu cũ hệ thống nước thải được xử lý cục bộ qua các bể tự hoại trước khi xả vào tuyến cống chung.

+ Đối với các khu vực xây mới: Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng và thu gom về trạm xử lý nước thải sau đó đấu nối với hệ thống thoát nước chung khu vực.

+ Đối với các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, các dự án có hệ thống xử lý nước thải cục bộ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung.

c) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 là 1875,28 (m³/ng.đ)

- Nguồn cấp nước: Hệ thống cấp nước lấy từ thành phố Hải Dương đến. Hệ thống cấp nước dùng hệ thống đường ống các trục chính có đường kính $\Phi 160$ mm; các trục nhánh có đường kính từ $\Phi 50 \div 110$ mm; hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt.

d) Cấp điện: Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 là 3.545,5 kVA.

- Nguồn điện: Lấy từ nguồn điện trung áp 35kV từ trạm trung gian 110kV Gia Lộc cấp tới theo lộ 378E8.1. Dự kiến đến năm 2030 bổ sung thêm 3 trạm biến áp với tổng công suất 1.200kVA.

- Đường dây hạ thế và chiếu sáng:

+ Mạng lưới điện hạ thế đi nổi trên cột chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư.

+ Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính có mặt cắt đường từ 4m trở lên. Tuyến chiếu sáng trong các khu dân cư cũ bố trí đi nổi kết hợp với cấp điện hạ thế; tại các khu dân cư mới hình thành, điện hạ thế và chiếu sáng đi ngầm vỉa hè đường, đảm bảo mỹ quan.

e) Quy hoạch hệ thống thu gom chất thải rắn:

Điểm tập kết rác tại xứ Đồng Văn quy hoạch mới cạnh bãi chôn lấp rác hiện trạng diện tích 0,18 ha. Toàn bộ CTR sinh hoạt Gia Lương cần có hệ thống quản lý, thu gom và xử lý chất thải rắn. Các khu công cộng, tập trung đông người của xã cần trang bị 02 loại thùng thu gom rác theo các màu sắc khác nhau và có ghi loại rác thu gom bao gồm: rác hữu cơ (thực phẩm thừa, rau cỏ,...), rác vô cơ thông thường (giấy, nhựa, hộp kim loại...) định hướng phương pháp xử lý chất thải. CTR sau khi được phân loại sẽ được thu gom về khu xử lý chất thải rắn theo định hướng quy hoạch vùng huyện.

g) Quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa:

Các nghĩa trang hiện trạng cơ bản giữ nguyên. Quy hoạch mở rộng các nghĩa trang, nghĩa địa tại các thôn khoảng 2,11ha đảm bảo đủ diện tích đến năm 2030. Xung quanh nghĩa giáp khu dân cư trồng cây xanh cách ly đảm bảo khoảng cách.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

a) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Cấp nhập, nâng cấp mở rộng các tuyến đường kết nối giao thông đối ngoại, đối nội.
- Xây dựng trụ sở công an xã.
- Cải tạo, nâng cấp những công trình hạ tầng xã hội hiện trạng tại địa phương. Đầu tư xây dựng mở rộng trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, đầu tư cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn.
- Quy hoạch các khu dân cư mới, đầu tư giá tạo nguồn.
- Tập trung hoàn thiện các hạng mục còn thiếu địa bàn.

b) Nguồn vốn:

- Nguồn vốn xây dựng từ nguồn ngân sách xã, huy động tài trợ từ các tổ chức, cá nhân; các nguồn vốn xã hội hóa và vốn hợp pháp khác.
- Thực hiện thu hồi quỹ đất nông nghiệp tại một số khu vực hiện đang sử dụng chưa hiệu quả và những khu vực ưu tiên phát triển theo nội dung quy hoạch.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý xây dựng Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Lương đến năm 2030 do đơn vị tư vấn Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn và UBND Gia Lương tổ chức lập, ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

a) Tiến độ thực hiện quy hoạch:

- Phân kỳ thực hiện quy hoạch: lập danh mục, trình tự triển khai lập các quy hoạch xây dựng theo từng cấp độ, kế hoạch trong 10 năm, 5 năm và hàng năm; danh mục và thứ tự đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở các giai đoạn quy hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm.

- Phù hợp với kế hoạch, khả năng cân đối nguồn vốn của UBND xã Gia Lương và UBND huyện Gia Lộc.

b) Giải pháp tổ chức thực hiện:

- UBND xã lập kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt.
- Rà soát quỹ đất để có phương án quy hoạch, kêu gọi đầu tư phù hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; đẩy mạnh giải pháp khơi thông nguồn lực; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ đất đai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND xã Gia Lương tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt; Trong quá trình triển khai thực hiện, chủ động rà soát quy hoạch, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với quy chuẩn và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Giao các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính – Kế hoạch; Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, quản lý quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Gia Lương; Giám đốc Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn – Sở Xây dựng Hải Dương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (để b/c);
- TT HĐND huyện (để b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Tuấn